

B - CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO

I - MỤC TIÊU

Ngoài mục tiêu chung về kiến thức, kỹ năng, thái độ, tình cảm như đã nêu trong Chương trình chuẩn, Chương trình nâng cao còn nhằm đáp ứng nhu cầu của những học sinh có thiên hướng về khoa học xã hội và nhân văn, tạo điều kiện để giúp các em tiếp tục học lên bậc học cao hơn trong lĩnh vực khoa học này. Đồng thời góp phần phát hiện và bồi dưỡng một bộ phận học sinh có khả năng học tập tốt môn Địa lí.

II - NỘI DUNG

1. Kế hoạch dạy học

Lớp	Số tiết/tuần	Số tuần	Tổng số tiết/năm
10	2	35	70
11	1,5	35	52,5
12	2	35	70
Cộng (toàn cấp)		105	192,5

2. Nội dung dạy học từng lớp

LỚP 10 : ĐỊA LÍ ĐẠI CƯƠNG

2 tiết/ tuần × 35 tuần = 70 tiết

I - ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN

1. Bản đồ
2. Vũ Trụ. Các chuyển động chính của Trái Đất và hệ quả của chúng
3. Cấu trúc của Trái Đất. Thạch quyển
4. Khí quyển
5. Thủy quyển
6. Thổ nhưỡng quyển và sinh quyển
7. Một số quy luật của lớp vỏ địa lí

II - ĐỊA LÍ KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Địa lí dân cư
2. Cơ cấu nền kinh tế. Một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế
3. Địa lí nông nghiệp
4. Địa lí công nghiệp
5. Địa lí dịch vụ
6. Môi trường và sự phát triển bền vững

LỚP 11 : ĐỊA LÍ THẾ GIỚI

1,5 tiết/ tuần × 35 tuần = 52,5 tiết

I - KHÁI QUÁT CHUNG VỀ NỀN KINH TẾ - XÃ HỘI THẾ GIỚI

1. Sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước
2. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại. Nền kinh tế tri thức
3. Xu hướng toàn cầu hoá, khu vực hoá
4. Một số vấn đề mang tính toàn cầu
5. Một số vấn đề của châu lục và khu vực

II - ĐỊA LÍ KHU VỰC VÀ QUỐC GIA

1. Hoa Kỳ
2. Bra-xin
3. Liên minh châu Âu
4. Liên bang Nga
5. Nhật Bản
6. Trung Quốc
7. Ấn Độ
8. Khu vực Đông Nam Á
9. Ai Cập
10. Ô-xtrây-li-a

LỚP 12 : ĐỊA LÍ VIỆT NAM

2 tiết/ tuần × 35 tuần = 70 tiết

I - ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ
2. Lịch sử hình thành và phát triển lãnh thổ
3. Đặc điểm chung của tự nhiên
4. Vấn đề sử dụng và bảo vệ tự nhiên

II - ĐỊA LÍ DÂN CƯ

1. Đặc điểm dân số và phân bố dân cư
2. Lao động và việc làm
3. Đô thị hoá
4. Chất lượng cuộc sống

III - ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ

1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế
2. Một số vấn đề phát triển và phân bố nông nghiệp
3. Một số vấn đề phát triển và phân bố công nghiệp
4. Một số vấn đề phát triển và phân bố các ngành dịch vụ

IV - ĐỊA LÍ CÁC VÙNG

1. Vấn đề khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ
2. Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng
3. Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở Bắc Trung Bộ
4. Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở Duyên hải Nam Trung Bộ
5. Vấn đề khai thác thế mạnh ở Tây Nguyên
6. Vấn đề khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ
7. Vấn đề sử dụng hợp lý và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long
8. Vấn đề phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo
9. Các vùng kinh tế trọng điểm

V - ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG

Tìm hiểu địa lí địa phương theo chủ đề

III - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG

LỚP 10

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
I - ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN 1. Bản đồ	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none">- Phân biệt được một số phép chiếu hình bản đồ cơ bản : phép chiếu phương vị, phép chiếu hình nón, phép chiếu hình trụ.- Phân biệt được một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ.- Biết được các ứng dụng của ảnh viễn thám và hệ thống thông tin địa lí.- Biết phân loại bản đồ theo nội dung, theo mục đích sử dụng, theo lãnh thổ, theo tỉ lệ.- Hiểu và trình bày được phương pháp sử dụng bản đồ, Atlas địa lí để tìm hiểu đặc điểm của các đối tượng, hiện tượng và phân tích các mối quan hệ địa lí. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none">- Nhận biết được một số phép chiếu hình bản đồ qua mạng lưới kinh, vĩ tuyến.- Phân biệt được một số loại bản đồ.- Nhận biết được một số phương pháp phổ biến để biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ và Atlas.- Sử dụng được một số phương pháp để biểu hiện đối tượng địa lí trên bản đồ.	<ul style="list-style-type: none">- Đặc điểm lưới kinh, vĩ tuyến của các phép chiếu : phương vị đứng, phương vị ngang, phương vị nghiêng ; hình nón đứng ; hình trụ đứng.- Phương pháp : kí hiệu, kí hiệu đường chuyển động, chấm điểm, vùng phân bố, bản đồ - biểu đồ.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>2. Vũ Trụ. Các chuyển động chính của Trái Đất và hệ quả của chúng</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được khái quát Vũ Trụ, hệ Mặt Trời trong Vũ Trụ, Trái Đất trong hệ Mặt Trời. Trình bày được học thuyết Big bang về sự hình thành Vũ Trụ. - Trình bày được các chuyển động chính của Trái Đất và giải thích được hệ quả chủ yếu của chúng : <ul style="list-style-type: none"> + Chuyển động tự quay : sự luân phiên ngày đêm, giờ trên Trái Đất, sự chuyển động lệch hướng của các vật thể. + Chuyển động quanh Mặt Trời : chuyển động biểu kiến hằng năm của Mặt Trời, hiện tượng mùa và hiện tượng ngày đêm dài, ngắn theo mùa. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng tranh ảnh, hình vẽ, mô hình để trình bày, giải thích các hệ quả chuyển động của Trái Đất. - Vẽ hình biểu diễn hiện tượng ngày đêm và hiện tượng các mùa trên Trái Đất. 	
<p>3. Cấu trúc của Trái Đất. Thạch quyển</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được học thuyết hình thành Trái Đất của Ôt-tô Xmit. - Nêu được cấu trúc của Trái Đất và sự khác nhau giữa các lớp (lớp vỏ, lớp Manti, nhân Trái Đất) về tỉ lệ thể tích, độ dày, thành phần vật chất cấu tạo chủ yếu, trạng thái. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vỏ lục địa và đại dương, tầng Manti trên và Manti dưới, nhân ngoài và nhân trong.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> - Biết được khái niệm thạch quyển ; phân biệt được thạch quyển và vỏ Trái Đất. - Biết vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất. - Trình bày được nội dung cơ bản của thuyết Kiến tạo mảng và vận dụng thuyết Kiến tạo mảng để giải thích sơ lược sự hình thành các vùng núi trẻ ; các vành đai động đất, núi lửa. - Trình bày được khái niệm nội lực, ngoại lực và nguyên nhân của chúng. Phân tích được tác động của nội lực và ngoại lực đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất. - Phân biệt được địa lũy, địa hào. - Biết một số thiên tai do tác động của nội lực, ngoại lực gây ra : động đất, núi lửa... <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết cấu trúc của Trái Đất qua hình vẽ. - Sử dụng tranh ảnh, hình vẽ để trình bày về thuyết Kiến tạo mảng. - Nhận xét tác động của nội lực, ngoại lực qua tranh ảnh. - Xác định trên bản đồ các vùng núi trẻ, các vùng có nhiều động đất, núi lửa và nêu nhận xét. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vùng núi trẻ Hi-ma-lay-a ; vành đai động đất, núi lửa Thái Bình Dương. - Tác động của các vận động kiến tạo và các quá trình ngoại lực.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>4. Khí quyển</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu khái niệm khí quyển. - Trình bày được đặc điểm của các tầng khí quyển : tầng đối lưu, tầng bình lưu, tầng khí quyển giữa (tầng trung lưu), tầng nhiệt (tầng ion), tầng khí quyển ngoài. - Hiểu được nguyên nhân hình thành và tính chất của các khối khí : cực, ôn đới, chí tuyến, xích đạo. - Biết khái niệm frông và các frông ; hiểu và trình bày được sự di chuyển của các khối khí, frông và ảnh hưởng của chúng đến thời tiết, khí hậu. - Trình bày được nguyên nhân hình thành nhiệt độ không khí và các nhân tố ảnh hưởng đến nhiệt độ không khí. Vận dụng các nhân tố này để giải thích sự khác nhau về nhiệt độ ở một số khu vực trên thế giới. - Phân tích được mối quan hệ giữa khí áp và gió ; nguyên nhân làm thay đổi khí áp. - Giải thích được nguyên nhân hình thành một số loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất, gió mùa và một số loại gió địa phương. - Phân biệt được độ ẩm tuyệt đối và độ ẩm tương đối. - Giải thích được hiện tượng ngưng tụ hơi nước trong khí quyển. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa và sự phân bố mưa trên thế giới. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm : độ dày, mật độ, thành phần không khí, nhiệt độ của các tầng khí quyển. - Liên hệ với các khối khí thường ảnh hưởng đến thời tiết, khí hậu của Việt Nam. - Các nhân tố : vĩ độ địa lí, lục địa và đại dương, địa hình. - Nguyên nhân : độ cao, nhiệt độ, độ ẩm. - Gió thổi thường xuyên trên Trái Đất : gió Tây ôn đới, Tín phong. Gió địa phương : gió đất, gió biển, gió phơn. Liên hệ các loại gió này ở Việt Nam. - Các hiện tượng : sương mù, mây, mưa. - Các nhân tố : khí áp, hoàn lưu, dòng biển, địa hình.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> - Biết được sự hình thành và phân bố của các đới, các kiểu khí hậu chính trên Trái Đất. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bản đồ Khí hậu thế giới để trình bày sự phân bố các khu áp cao, áp thấp ; sự vận động của các khối khí trong tháng 1 và tháng 7. - Tính được độ ẩm tương đối. - Phân tích bản đồ và đồ thị phân bố lượng mưa theo vĩ độ. - Sử dụng biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa để tìm hiểu đặc điểm khí hậu của một địa điểm. - Vận dụng kiến thức để giải thích một số hiện tượng tự nhiên trên Trái Đất ; giải thích khí hậu nhiệt đới gió mùa của khu vực Đông Nam Á và của Việt Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các hiện tượng tự nhiên : sương mù, mưa tuyết, mưa đá,...
<p>5. Thủy quyển</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu khái niệm thủy quyển. - Hiểu và trình bày được vòng tuần hoàn của nước trên Trái Đất ; sự hình thành nước ngầm. - Giải thích được nguồn gốc và tính chất của một số loại hồ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ móng ngựa, hồ băng hà, hồ núi lửa, hồ kiến tạo, hồ nước mặn, hồ nước ngọt. Liên hệ với một số hồ ở Việt Nam : hồ Tây, hồ Ba Bể,...

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới tốc độ dòng chảy và chế độ nước của sông. - Biết được đặc điểm và sự phân bố của một số sông lớn trên thế giới. - Biết thành phần và tỉ trọng của nước biển và đại dương. Giải thích được sự thay đổi độ muối, nhiệt độ của nước biển và đại dương theo vĩ độ, độ sâu. - Mô tả và giải thích được nguyên nhân sinh ra hiện tượng sóng biển, thủy triều ; phân bố và chuyển động của các dòng biển nóng và lạnh trong đại dương thế giới. - Phân tích được vai trò của biển và đại dương trong đời sống. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng tranh ảnh, hình vẽ để mô tả vòng tuần hoàn của nước, sự hình thành nước ngầm. - Sử dụng bản đồ các dòng biển trong đại dương thế giới để trình bày về các dòng biển lớn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhân tố : địa chất, địa hình, chế độ mưa, thực vật, hồ, đầm. - Đặc điểm : chiều dài, lưu vực, thủy chế. <p>- Nơi xuất phát, hướng chảy và tính chất của các dòng biển.</p>
<p>6. Thổ nhưỡng quyển và sinh quyển</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được khái niệm đất (thổ nhưỡng) và thổ nhưỡng quyển. Trình bày được vai trò của các nhân tố hình thành đất. - Hiểu được khái niệm sinh quyển và các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của sinh vật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhân tố : đá mẹ, khí hậu, địa hình, sinh vật, thời gian, con người. - Các nhân tố : khí hậu, đất, địa hình, sinh vật, con người.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được quy luật phân bố của một số loại đất và thảm thực vật chính trên Trái Đất. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng tranh ảnh để nhận biết các thảm thực vật chính trên Trái Đất - Sử dụng bản đồ để trình bày về sự phân bố các thảm thực vật và các loại đất chính trên Trái Đất. - Phân tích được lát cắt các đai thực vật và đất theo vĩ độ và theo độ cao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các thảm thực vật : đài nguyên, tai ga, rừng lá rộng, thảo nguyên,...
<p>7. Một số quy luật của lớp vỏ địa lí</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được khái niệm lớp vỏ địa lí. - Hiểu và trình bày được một số biểu hiện của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh, quy luật địa đới và phi địa đới của lớp vỏ địa lí. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng hình vẽ, sơ đồ, lát cắt để trình bày về lớp vỏ địa lí và các quy luật chủ yếu của lớp vỏ địa lí. - Vận dụng kiến thức để giải thích sự hình thành các đới nhiệt, các đới khí hậu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các thành phần cấu tạo của lớp vỏ địa lí : địa hình, khí hậu, nước, đất, sinh vật.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>II - ĐỊA LÍ KINH TẾ - XÃ HỘI</p> <p>1. Địa lí dân cư</p>	<p><i>Kiến thức</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày và giải thích được xu hướng biến đổi quy mô dân số thế giới và hậu quả của nó. - Biết được các thành phần tạo nên sự gia tăng dân số là gia tăng tự nhiên (sinh thô, tử thô) và gia tăng cơ học (nhập cư, xuất cư). - Hiểu và trình bày được cơ cấu sinh học (tuổi, giới) và cơ cấu xã hội (lao động, trình độ văn hoá) của dân số. - Trình bày được các khái niệm, đặc điểm và sự phân bố các chủng tộc trên thế giới : Mônggôlôit, Orôpêôit, Nêgrô-Ôxtralôit. - Biết được các ngôn ngữ phổ biến, các tôn giáo chủ yếu trên thế giới và sự phân bố của chúng. - Trình bày được khái niệm phân bố dân cư, giải thích được đặc điểm phân bố dân cư theo không gian, thời gian. Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phân bố dân cư. - Phân biệt được đặc điểm của quần cư nông thôn và quần cư thành thị. - Trình bày được các đặc điểm của đô thị hoá, những mặt tích cực và tiêu cực của quá trình đô thị hoá. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tình hình gia tăng tự nhiên của dân số toàn cầu. - Dân số già, dân số trẻ, tháp dân số. - Nguồn lao động và cơ cấu dân số theo khu vực kinh tế. - Phân biệt các chủng tộc qua đặc điểm ngoại hình. - Vai trò của tôn giáo trong đời sống kinh tế, văn hoá. - Các nhân tố : phương thức sản xuất, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, điều kiện tự nhiên, lịch sử khai thác lãnh thổ... - Quần cư nông thôn : nông nghiệp, phi nông nghiệp ; quần cư thành thị : công nghiệp, dịch vụ, trung tâm kinh tế, hành chính chính trị,...

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ, phân tích, nhận xét tháp dân số của các nhóm nước trên thế giới. - Phân tích bản đồ các tôn giáo chủ yếu trên thế giới. - Vẽ đồ thị, biểu đồ về dân số. - Phân tích biểu đồ và bảng số liệu về dân số. - Phân tích và giải thích bản đồ phân bố dân cư thế giới. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đồ thị về sự gia tăng dân số thế giới, biểu đồ cơ cấu dân số.
<p>2. Cơ cấu nền kinh tế. Một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm nguồn lực ; phân biệt được các loại nguồn lực và vai trò của chúng. - Trình bày được khái niệm cơ cấu nền kinh tế, các bộ phận hợp thành cơ cấu nền kinh tế. - Biết và trình bày được một số tiêu chí cơ bản đánh giá nền kinh tế. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, phân tích sơ đồ nguồn lực và cơ cấu nền kinh tế. - Tính toán, vẽ và phân tích biểu đồ cơ cấu kinh tế. - Vẽ biểu đồ cơ cấu nền kinh tế theo ngành của thế giới và các nhóm nước ; nhận xét. - Đọc, nhận xét bản đồ GDP/ người trên thế giới - Phân tích bảng số liệu về sự chuyển dịch cơ cấu GDP toàn thế giới và theo các nhóm nước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn lực tự nhiên, nguồn lực kinh tế - xã hội, nguồn lực bên trong, nguồn lực bên ngoài. - Cơ cấu ngành kinh tế, cơ cấu thành phần kinh tế, cơ cấu lãnh thổ. - Tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng thu nhập quốc gia (GNI), GNI và GDP/người, cơ cấu ngành trong GDP.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
3. Địa lí nông nghiệp	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vai trò và đặc điểm của sản xuất nông nghiệp. + Vai trò + Đặc điểm - Phân tích được các nhân tố tự nhiên và các nhân tố kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp. - Trình bày được vai trò, đặc điểm sinh thái, tình hình phát triển, sự phân bố các cây lương thực chính và các cây công nghiệp chủ yếu. - Trình bày và giải thích được vai trò, đặc điểm, tình hình phát triển và sự phân bố của các ngành chăn nuôi : gia súc, gia cầm. - Trình bày được vai trò của rừng ; tình hình trồng rừng. - Trình bày được vai trò của thủy sản ; tình hình nuôi trồng thủy sản. - Phân biệt được một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp : hộ gia đình, trang trại, hợp tác xã nông nghiệp, nông trường quốc doanh, thể tổng hợp nông nghiệp và vùng nông nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> - Vai trò : cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người, nguyên liệu cho các ngành công nghiệp. - Đặc điểm : đất là tư liệu sản xuất ; đối tượng lao động là cây trồng, vật nuôi ; tính mùa vụ, phụ thuộc vào tự nhiên. - Tự nhiên : đất, nước, khí hậu, sinh vật ; kinh tế - xã hội : dân cư và nguồn lao động, quan hệ sở hữu ruộng đất, tiên bộ khoa học kĩ thuật, thị trường. - Các cây lương thực chính : lúa mì, lúa gạo, ngô ; các cây công nghiệp chủ yếu : cây lấy đường, cây lấy sợi, cây lấy dầu, cây cho chất kích thích, cây lấy nhựa. - Gia súc : trâu, bò, lợn, dê, cừu. - Mục đích sản xuất, quy mô đất đai, vốn, cơ sở vật chất - kĩ thuật, cách thức tổ chức sản xuất. - Liên hệ với các hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp ở Việt Nam.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bản đồ để phân tích và giải thích sự phân bố các cây trồng, vật nuôi. - Phân tích bảng số liệu ; vẽ và phân tích biểu đồ về một số ngành sản xuất nông nghiệp. - Sử dụng phương pháp bản đồ - biểu đồ để thể hiện sản lượng lương thực và cơ cấu sản lượng lương thực của một số nước trên thế giới. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chọn các nước đại diện cho các khu vực khác nhau.
<p>4. Địa lí công nghiệp</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vai trò và đặc điểm của sản xuất công nghiệp : + Vai trò + Đặc điểm - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp : + Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên. + Dân cư, kinh tế - xã hội. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân ; cung cấp tư liệu sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật cho các ngành kinh tế khác ; tạo ra các sản phẩm tiêu dùng. - Đặc điểm : hai giai đoạn sản xuất ; tính chất tập trung cao độ ; nhiều ngành phức tạp. - Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên : khoáng sản, khí hậu, nước, các điều kiện khác. - Kinh tế - xã hội : dân cư - lao động, tiến bộ khoa học kĩ thuật, thị trường, vốn, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất - kĩ thuật, đường lối chính sách.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày và giải thích được vai trò, đặc điểm, tình hình phát triển và sự phân bố một số ngành công nghiệp chủ yếu trên thế giới. - Phân biệt được một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp : điểm công nghiệp, khu công nghiệp tập trung, trung tâm công nghiệp, vùng công nghiệp. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bản đồ để nhận xét sự phân bố một số ngành công nghiệp. - Vẽ và phân tích biểu đồ tình hình sản xuất của một số ngành công nghiệp (biểu đồ cột, biểu đồ miền). - Vẽ và phân tích biểu đồ cơ cấu sử dụng năng lượng trên thế giới. 	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghiệp năng lượng, luyện kim, cơ khí, hoá chất, tin học - điện tử, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp thực phẩm. - Vị trí, vai trò và đặc điểm của mỗi hình thức. Liên hệ với các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở Việt Nam.
<p>5. Địa lí dịch vụ</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vai trò, cơ cấu và các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ. - Trình bày được vai trò, đặc điểm của ngành giao thông vận tải. Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các điều kiện tự nhiên : địa hình, mạng lưới sông ngòi, thời tiết, khí hậu... ; các điều kiện kinh tế - xã hội : sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế quốc dân ; sự phân bố dân cư, các thành phố lớn, các

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vai trò, đặc điểm phân bố của các ngành giao thông vận tải cụ thể. - Trình bày được vai trò, đặc điểm và sự phân bố của ngành thông tin liên lạc. - Trình bày được vai trò của ngành thương mại. Hiểu và trình bày được một số khái niệm (thị trường, cán cân xuất nhập khẩu), đặc điểm của thị trường thế giới và một số tổ chức thương mại trên thế giới. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích các bảng số liệu về một số ngành dịch vụ. - Vẽ biểu đồ kết hợp giữa biểu đồ cột và biểu đồ đường. - Vẽ biểu đồ cơ cấu và phân tích số liệu về du lịch. 	<p>chùm đô thị.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các ngành : đường sắt, đường ô tô, đường sông - hồ, đường biển, đường hàng không, đường ống.
<p>6. Môi trường và sự phát triển bền vững</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và trình bày được các khái niệm : môi trường, tài nguyên thiên nhiên, phát triển bền vững. - Trình bày được một số vấn đề về môi trường và phát triển bền vững trên phạm vi toàn cầu và ở các nhóm nước. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích bảng số liệu, tranh ảnh về các vấn đề môi trường. - Biết cách tìm hiểu một vấn đề môi trường ở địa phương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm nước phát triển và nhóm nước đang phát triển. - Ví dụ : môi trường nước, môi trường đất, rác thải, tiếng ồn...

LỚP 11

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>I - KHÁI QUÁT CHUNG VỀ NỀN KINH TẾ - XÃ HỘI THẾ GIỚI</p> <p>1. Sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước</p>	<p><i>Kiến thức</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết và giải thích được sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế- xã hội của các nhóm nước : phát triển, đang phát triển, nước công nghiệp mới (NIC). - Trình bày được vấn đề đầu tư ra nước ngoài, nợ nước ngoài và GDP/người của các nước phát triển, đang phát triển, nước công nghiệp mới (NIC). 	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm phát triển dân số, tổng GDP, GDP/người ; cơ cấu kinh tế phân theo khu vực của các nhóm nước.
<p>2. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại. Nền kinh tế tri thức</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm nổi bật của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại. - Trình bày được tác động của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại tới sự phát triển kinh tế : xuất hiện ngành kinh tế mới ; chuyển dịch cơ cấu kinh tế. - Hiểu được khái niệm nền kinh tế tri thức, một số đặc điểm của nền kinh tế tri thức. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bùng nổ công nghệ cao với 4 ngành công nghệ chính là công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu, công nghệ năng lượng và công nghệ thông tin. - Ngành mới : sản xuất phần mềm, công nghệ gen. - Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỉ trọng của dịch vụ, giảm tỉ trọng của công nghiệp và nông nghiệp. - Nền kinh tế tri thức : nền kinh tế với các ngành kĩ thuật, công nghệ cao phát triển dựa trên tri thức.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét sự phân bố các nhóm nước trên bản đồ. - Phân tích bảng số liệu về kinh tế - xã hội của từng nhóm nước. 	
<p>3. Xu hướng toàn cầu hoá, khu vực hoá</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các biểu hiện của toàn cầu hoá. - Trình bày được hệ quả của toàn cầu hoá. - Trình bày được biểu hiện của khu vực hoá. - Phân tích được cơ sở của các liên kết kinh tế khu vực và biết một số tổ chức liên kết kinh tế khu vực. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bản đồ thế giới để nhận biết lãnh thổ của các liên kết kinh tế khu vực. - Phân tích số liệu, tư liệu để nhận biết quy mô, vai trò đối với thị trường quốc tế của các liên kết kinh tế khu vực. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển thương mại quốc tế ; Tổ chức thương mại quốc tế (WTO) ; tăng đầu tư quốc tế ; mở rộng thị trường tài chính ; vai trò của công ti xuyên quốc gia. - Kinh tế tăng trưởng ; tăng cường hợp tác kinh tế và hệ quả : tăng khoảng cách giữa nước giàu, nước nghèo. - Liên kết kinh tế khu vực và hệ quả ; tự do hoá thương mại, lập thị trường khu vực ; vấn đề tự chủ kinh tế. - Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN), Khu vực hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) ; Liên minh châu Âu (EU),...

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>4. Một số vấn đề mang tính toàn cầu</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được bùng nổ dân số ở các nước đang phát triển, già hoá dân số ở các nước phát triển và hậu quả của nó. - Biết và giải thích được đặc điểm dân số của thế giới, của nhóm nước phát triển, nhóm nước đang phát triển. - Trình bày được một số biểu hiện, nguyên nhân của ô nhiễm môi trường ; phân tích sự ô nhiễm và hậu quả của ô nhiễm từng loại môi trường ; nhận thức được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường. - Hiểu được nguy cơ chiến tranh và sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình. <p>Kĩ năng</p> <p>Thu thập và xử lí thông tin, viết báo cáo ngắn gọn về một số vấn đề mang tính toàn cầu.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quy mô dân số, tốc độ gia tăng dân số, cơ cấu dân số theo nhóm tuổi. - Tích hợp giáo dục dân số, giáo dục môi trường. - Dân số trẻ, dân số già ; nguồn nhân lực và vấn đề chất lượng cuộc sống. - Các môi trường : nước, không khí, đất. - Xung đột sắc tộc, tôn giáo ; khủng bố.
<p>5. Một số vấn đề của châu lục và khu vực</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được tiềm năng phát triển kinh tế của các nước ở châu Phi, Mĩ La-tinh ; khu vực Trung Á và Tây Nam Á. - Trình bày được một số vấn đề cần giải quyết để phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia ở châu Phi, Mĩ La-tinh ; khu vực Trung Á và Tây Nam Á. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiềm năng về tài nguyên khoáng sản, về nguồn lực con người, về truyền thống văn hoá. - Một số vấn đề của châu Phi : + Chiến tranh và xung đột sắc tộc. + Chất lượng cuộc sống (giải quyết vấn đề dân số, đói nghèo, bệnh tật).

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>- Ghi nhớ một số địa danh</p> <p>Kĩ năng</p> <p>- Sử dụng bản đồ thế giới để phân tích ý nghĩa vị trí địa lí của các khu vực Trung Á và Tây Nam Á.</p> <p>- Phân tích số liệu, tư liệu về một số vấn đề kinh tế - xã hội của châu Phi, Mĩ La-tinh và khu vực Trung Á, Tây Nam Á.</p>	<p>- Một số vấn đề của châu Mĩ La-tinh :</p> <p>+ Nợ nước ngoài</p> <p>+ Chênh lệch trong mức sống.</p> <p>+ Vai trò của các công ti tư bản nước ngoài.</p> <p>- Một số vấn đề của khu vực Trung Á và Tây Nam Á :</p> <p>+ Nhà nước Pa-let-xtin và I-xra-en</p> <p>+ Xung đột sắc tộc, tôn giáo ; khủng bố.</p> <p>+ Vai trò cung cấp dầu mỏ đối với nền kinh tế thế giới.</p> <p>- Nam Phi, A-ma-dôn, Giê-ru-sa-lem, A-rập.</p>
<p>II - ĐỊA LÍ KHU VỰC VÀ QUỐC GIA</p> <p>1. Hoa Kì</p>	<p>Kiến thức</p> <p>- Biết vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Hoa Kì.</p> <p>– Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và phân tích được thuận lợi, khó khăn của chúng đối với sự phát triển kinh tế.</p>	<p>- Hoa Kì nằm ở Tây bán cầu, không bị chiến tranh thế giới tàn phá ; đất nước rộng lớn với các miền địa hình khác biệt từ Tây sang Đông, nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> - Biết được ba miền tự nhiên lớn với những đặc điểm khác biệt về địa hình, khí hậu, sông ngòi, nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. - Phân tích được các đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của chúng tới kinh tế ; biết về sự bất bình đẳng giữa các dân tộc, chủng tộc, về sự đa dạng trong văn hoá. - Trình bày và giải thích được đặc điểm kinh tế - xã hội của Hoa Kì, vai trò của một số ngành kinh tế chủ chốt, sự chuyển dịch cơ cấu ngành và sự phân hoá lãnh thổ của nền kinh tế Hoa Kì. – Ghi nhớ một số địa danh <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bản đồ Hoa Kì để phân tích đặc điểm ba vùng địa hình và sự phân bố khoáng sản, dân cư, các ngành kinh tế và các vùng kinh tế. - Phân tích số liệu, tư liệu về tự nhiên, dân cư, kinh tế Hoa Kì, so sánh sự khác biệt giữa các vùng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phần lớn là dân nhập cư, trình độ dân trí và khoa học cao, mật độ dân số thấp ; vấn đề của người nhập cư da màu. - Cường quốc kinh tế, GDP lớn nhất thế giới. - Dãy A-pa-lat, Cooc-đi-e ; sông Mi-xi-xi-pi, Hồ Lớn ; thủ đô Oa-sinh-ton, Niu Iooc, Xan Phran-xi-xcô.
<p>2. Bra-xin</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm nổi bật về vị trí địa lí, lãnh thổ, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, dân cư và xã hội của Bra-xin. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nước lớn ở nửa cầu Nam, đồng bằng A-ma-dôn với rừng nhiệt đới, cao nguyên với tiềm năng khoáng sản và thủy điện. - Dân cư đông, cộng đồng dân cư hoà hợp. - Chênh lệch trong mức sống và nợ nước

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét được tình hình phát triển công nghiệp, nông nghiệp và một số vấn đề xã hội của Bra-xin. - Ghi nhớ một số địa danh <p>Kỹ năng</p> <p>Sử dụng bản đồ, biểu bảng để nhận xét đặc điểm tự nhiên, dân cư, phân bố công nghiệp của Bra-xin.</p>	<p>ngoài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số ngành sản xuất có vị trí trên thị trường thế giới. - Đồng bằng A-ma-dôn, Bra-xi-li-a, Ri-ô Đê Gia-nê-rô.
<p>3. Liên minh châu Âu (EU)</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được lí do hình thành, quy mô, vị trí, mục tiêu, thể chế hoạt động của EU và biểu hiện của mỗi liên kết toàn diện giữa các nước trong EU. - Phân tích được vai trò của EU trong nền kinh tế thế giới : trung tâm kinh tế và tổ chức thương mại hàng đầu thế giới. - Phân tích CHLB Đức như một ví dụ về thành viên có nền kinh tế thị trường và xã hội phát triển : vị thế của CHLB Đức trong EU và trên thế giới. - Phân tích Cộng hoà Pháp : điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế đa dạng, trình độ cao. - Ghi nhớ một số địa danh <p>Kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bản đồ để nhận biết các nước thành viên EU, phân tích liên kết vùng ở châu Âu. - Phân tích số liệu, tư liệu để thấy được ý nghĩa của EU thống nhất, vai trò của EU trong nền kinh tế thế giới ; vai trò của CHLB Đức trong EU và nền kinh tế thế giới. - Sử dụng bản đồ để nhận xét sự phân bố các ngành kinh 	<ul style="list-style-type: none"> - Biểu hiện trong lưu thông dịch vụ, hàng hoá, tiền tệ, lao động ; hợp tác trong sản xuất và dịch vụ. - Số liệu biểu hiện sự phát triển và vị trí của CHLB Đức trong nền kinh tế thế giới. - Thông tin về điều kiện và thành quả phát triển kinh tế của Pháp. - Pa-ri, Luân Đôn, Bec-lin, vùng Maxơ - Rainơ.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	tế của Pháp.	
4. Liên bang Nga	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ LB Nga. - Trình bày được đặc điểm tự nhiên, sự đa dạng của tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên ; phân tích được thuận lợi, khó khăn của chúng đối với sự phát triển kinh tế. - Phân tích được các đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của chúng tới kinh tế. - Biết được sự hình thành các quốc gia độc lập (SNG) và đặc trưng về văn hoá LB Nga. - Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế của LB Nga : vai trò của LB Nga đối với Liên Xô trước đây, những khó khăn và những thành quả của sự chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường ; một số ngành kinh tế chủ chốt và sự phân hoá lãnh thổ kinh tế LB Nga. - Hiểu quan hệ đa dạng giữa LB Nga và Việt Nam. - So sánh được đặc trưng và phân tích vai trò của một số vùng kinh tế tập trung của LB Nga : vùng Trung ương, 	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích trên 17 triệu km² lớn nhất thế giới, nằm ở cả hai châu lục ; các khu vực đồng bằng, dãy núi lớn, các sông hồ và nhiều loại cảnh quan ; sự khác nhau giữa khu vực phía tây và đông dãy U-ran ; các kiểu khí hậu ; giàu tài nguyên với trữ lượng lớn : than, dầu mỏ, quặng sắt, thủy năng, rừng ; thiên nhiên khắc nghiệt. - Dân số khá đông, tập trung ở phần Đông Âu, dân số đang già đi ; cường quốc văn hoá và khoa học - kĩ thuật. - Một số ngành kinh tế của LB Nga đã có vai trò quyết định trong nền kinh tế của Liên Xô (cũ). - Quan hệ hợp tác, bình đẳng trong quá khứ và hiện tại giữa LB Nga và Việt Nam. - Đóng góp của những vùng quan trọng

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>vùng Trung tâm đất đen, vùng U-ran, vùng Viễn Đông.</p> <p>- Ghi nhớ một số địa danh.</p> <p>Kĩ năng</p> <p>- Sử dụng bản đồ để nhận biết và phân tích đặc điểm tự nhiên, phân bố dân cư, một số ngành và vùng kinh tế của LB Nga.</p> <p>- Phân tích số liệu, tư liệu về biến động dân cư, về tình hình phát triển kinh tế của LB Nga.</p>	<p>vào nền kinh tế đất nước.</p> <p>- Dãy U-ran, vùng Xi-bia, sông Vôn-ga, hồ Bai-can, thủ đô Mat-xcơ-va, TP. Xanh Pê-tec-bua.</p>
<p>5. Nhật Bản</p>	<p>Kiến thức</p> <p>- Biết vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Nhật Bản.</p> <p>- Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và phân tích được những thuận lợi, khó khăn của chúng đối với sự phát triển kinh tế.</p> <p>- Hiểu được các đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của chúng tới kinh tế.</p> <p>- Phân tích được ảnh hưởng của văn hoá Nhật Bản đối với sự phát triển của đất nước.</p> <p>- Trình bày và giải thích được sự phát triển và phân bố của những ngành kinh tế chủ chốt.</p>	<p>- Đất nước quần đảo, dễ giao lưu với nước ngoài bằng đường biển, địa hình núi trung bình và thấp, khí hậu gió mùa, nghèo tài nguyên, lắm thiên tai : núi lửa, động đất, sóng thần.</p> <p>- Đông dân, dân số đang già đi, phần lớn dân cư tập trung ở thành phố và đồng bằng ven biển, trình độ dân trí và khoa học cao.</p> <p>- Người dân lao động cần cù, đạt hiệu quả cao.</p> <p>- Khu vực dịch vụ : thương mại, tài chính.</p> <p>- Công nghiệp cơ khí, công nghiệp điện tử, công nghiệp xây dựng, công</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>- Trình bày và giải thích được sự phân bố một số ngành sản xuất tại vùng kinh tế phát triển ở đảo Hôn-su và Kiu-xiu.</p> <p>- Ghi nhớ một số địa danh</p> <p>Kĩ năng</p> <p>- Sử dụng bản đồ để nhận biết và trình bày một số đặc điểm địa hình, tài nguyên khoáng sản, sự phân bố một số ngành công nghiệp, nông nghiệp của Nhật Bản.</p> <p>- Nhận xét các số liệu, tư liệu về thành tựu phát triển kinh tế của Nhật Bản.</p>	<p>ngành dệt.</p> <p>- Một số ngành trồng trọt và đánh bắt hải sản.</p> <p>- Nguyên nhân : thuận lợi của vị trí địa lí, nhân công lao động có trình độ, đầu tư nước ngoài, chính sách phát triển đất nước.</p> <p>- Đảo Hôn-su, đảo Kiu-xiu, núi Phú sĩ, Thủ đô Tô-ki-ô, các thành phố : Cô-bê, Hi-rô-si-ma.</p>
6. Trung Quốc	<p>Kiến thức</p> <p>- Biết được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Trung Quốc.</p> <p>- Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và phân tích được những thuận lợi, khó khăn của chúng đối với sự phát triển kinh tế.</p>	<p>- Nước láng giềng phía bắc Việt Nam, diện tích chiếm phần lớn Đông Á và Trung Á.</p> <p>- Diện tích lớn với duyên hải mở rộng, thuận lợi cho giao lưu với nước ngoài ; miền Đông và miền Tây có sự khác biệt lớn về khí hậu, sông hồ, nguồn khoáng sản ; tài nguyên thiên nhiên đa dạng, song</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được các đặc điểm dân cư, đặc điểm về văn hoá và ảnh hưởng của chúng tới kinh tế. - Hiểu và phân tích được đặc điểm phát triển kinh tế, một số ngành kinh tế chủ chốt và vị thế của nền kinh tế Trung Quốc trên thế giới ; phân tích được nguyên nhân phát triển kinh tế. - Giải thích được sự phân bố của một số ngành kinh tế Trung Quốc ; sự tập trung các đặc khu kinh tế tại vùng duyên hải. - Hiểu được quan hệ đa dạng giữa Trung Quốc và Việt Nam. - Ghi nhớ một số địa danh. Kĩ năng - Sử dụng bản đồ để nhận biết và trình bày sự khác biệt về tự nhiên, về sự phân bố dân cư và kinh tế giữa miền Đông và miền Tây của Trung Quốc. 	<p>cũng nhiều thiên tai (bão cát, lũ lụt).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dân số đông nhất thế giới, tạo nên nguồn lao động và thị trường tiêu thụ lớn ; có truyền thống lao động và một số phát minh nổi tiếng thời cổ đại ; dân cư tập trung chủ yếu ở miền Đông. - Kinh tế phát triển mạnh, liên tục trong nhiều năm, cơ cấu kinh tế chuyển đổi theo hướng hiện đại ; có vai trò ngày càng lớn trong nền kinh tế thế giới. - Nguyên nhân : ổn định chính trị, khai thác nguồn lực trong, ngoài nước ; phát triển và vận dụng khoa học, kĩ thuật. - Một số ngành sản xuất chiếm thị phần lớn trong nền kinh tế thế giới. - Hợp tác hữu nghị, ổn định, lâu dài. - Hoàng Hà, Trường Giang, Thủ đô Bắc Kinh, TP. Thượng Hải, Hồng Công, khu chế xuất Thâm Quyên.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích các số liệu, tư liệu về thành tựu phát triển kinh tế của Trung Quốc. 	
7. Ấn Độ	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết và trình bày được đặc điểm nổi bật về vị trí địa lí, lãnh thổ, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Ấn Độ. - Hiểu được các đặc điểm dân cư, xã hội của Ấn Độ và ảnh hưởng của chúng tới kinh tế. - Nhận xét và giải thích được sự thay đổi trong nền kinh tế Ấn Độ. - Ghi nhớ một số địa danh. <p>Kỹ năng</p> <p>Sử dụng bản đồ, bảng số liệu để nhận xét sự phát triển và phân bố của công nghiệp, nông nghiệp Ấn Độ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nước lớn với các miền địa hình lớn từ Bắc xuống Nam. - Khí hậu gió mùa điển hình tác động đến sản xuất nông nghiệp. - Dân số đông, trẻ, tăng nhanh, sức ép dân số lớn, song có nguồn nhân lực và thị trường tiêu thụ lớn. - Ba giai đoạn phát triển đất nước. - Thay đổi trong nông nghiệp : cách mạng xanh, tự túc lương thực ; công nghiệp hoá và thành tựu. - Niu Đê-li, Côn-ca-ta, Mum-bai.
8. Khu vực Đông Nam Á	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ khu vực Đông Nam Á. - Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và phân tích được những thuận lợi, khó khăn của chúng đối với sự phát triển kinh tế. - Phân tích được các đặc điểm dân cư, đặc điểm văn hoá 	<ul style="list-style-type: none"> - Những điểm chung và riêng trong tự nhiên của khu vực lục địa và khu vực hải đảo, thiên nhiên nhiệt đới gió mùa, khá giàu khoáng sản ; nhiều thiên tai (động đất, núi lửa, bão, sóng thần, cháy rừng). - Dân số trẻ, số dân lớn và gia tăng tương đối nhanh, nguồn lao động dồi dào, thị

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>đặc trưng của các nước trong khu vực và ảnh hưởng của chúng tới kinh tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày và giải thích được một số đặc điểm kinh tế. - Trình bày đặc điểm của các ngành sản xuất trong các khu vực kinh tế khác nhau. - Hiểu được mục tiêu của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) ; cơ chế hoạt động, một số hợp tác cụ thể trong kinh tế, văn hoá ; thành tựu và thách thức của các nước thành viên. - Hiểu được sự hợp tác đa dạng của Việt Nam với các nước trong Hiệp hội. - Ghi nhớ một số địa danh. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bản đồ để nhận biết và trình bày được vị trí các nước thành viên, đặc điểm chung về địa hình, khoáng sản, phân bố một số ngành kinh tế của các nước ASEAN. - Nhận xét các số liệu, tư liệu về kết quả phát triển kinh tế của các nước ASEAN. 	<p>trường tiêu thụ lớn. Văn hoá truyền thống và tín ngưỡng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nông nghiệp nhiệt đới, ngành thuỷ, hải sản có vai trò quan trọng, phát triển công nghiệp và dịch vụ ; cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch ; các khu kinh tế phát triển ở vùng duyên hải. - Hợp tác khai thác các lợi thế để phát triển các quốc gia trong khu vực, xây dựng khu vực hoà bình, ổn định. - Biểu hiện và kết quả của sự hợp tác đa dạng : trao đổi hàng hoá, hợp tác trong văn hoá, giáo dục, thể thao, du lịch. - Tên 11 quốc gia ở Đông Nam Á.
9. Ai Cập	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết và trình bày được vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên, dân cư của Ai Cập. 	<ul style="list-style-type: none"> - Gồm phần lãnh thổ Đông Bắc Phi và Tây Á, cách nhau bởi kênh Xuy-ê.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm nền kinh tế gắn bó với sông Nin. - Ghi nhớ một số địa danh. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích bản đồ để nhận xét về tự nhiên và sự phân bố kinh tế của Ai Cập. - Nhận xét các số liệu, tư liệu để biết ảnh hưởng của tự nhiên đối với sự phát triển kinh tế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đất nước hoang mạc, châu thổ sông Nin (sông dài nhất thế giới) tạo môi trường sống cho dân cư. - Dân số trẻ, gia tăng dân số khá nhanh. - Nền văn minh Ai Cập cổ đại có ý nghĩa lớn. - Một số ngành nông nghiệp và dịch vụ (du lịch). - Sông Nin, kênh Xuy-ê.
<p>10. Ô-xtrây-li-a</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Ô-xtrây-li-a. - Trình bày được đặc điểm tự nhiên và phân tích được những thuận lợi, khó khăn của chúng đối với sự phát triển kinh tế. - Phân tích được các đặc điểm dân cư, những nét đặc trưng của văn hoá và ảnh hưởng của chúng tới kinh tế. - Hiểu và chứng minh được sự phát triển năng động của nền kinh tế ; trình độ phát triển kinh tế cao, chú ý phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. - Ghi nhớ một số địa danh. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bản đồ Ô-xtrây-li-a để trình bày vị trí địa lí, đặc 	<ul style="list-style-type: none"> - Đất nước chiếm cả một lục địa ở nửa cầu Nam, thiên nhiên đa dạng, giàu tài nguyên nhưng khí hậu của phần lớn lãnh thổ rất khô hạn. - Gia tăng dân số cơ giới, sự đan xen của nhiều dân tộc đến từ các quốc gia, mức độ đô thị hoá cao. - Các ngành công nghệ cao ; nông nghiệp hiện đại ; thương mại và dịch vụ. - Bảo vệ môi trường (động vật quý hiếm). - Hoang mạc Vich-to-ri-a, thủ đô Can-be-ra, Xit-ni.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	điem tự nhiên, phân bố dân cư và kinh tế. - Nhận xét các số liệu, tư liệu về vấn đề dân cư của Ô-xtrây-li-a.	

LỚP 12

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
Việt Nam trên đường đổi mới và hội nhập I - ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN 1. Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ	<p>- Biết công cuộc Đổi mới ở nước ta là một cuộc cải cách toàn diện về kinh tế - xã hội ; một số định hướng chính để đẩy mạnh công cuộc Đổi mới.</p> <p>- Biết bối cảnh và công cuộc hội nhập quốc tế và khu vực của nước ta.</p> <p>Kiến thức</p> <p>- Trình bày được vị trí địa lí, giới hạn, phạm vi lãnh thổ Việt Nam : các điểm cực Bắc, Nam, Đông, Tây của phần đất liền ; phạm vi vùng đất, vùng biển, vùng trời và diện tích lãnh thổ.</p> <p>- Phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đối với tự nhiên, kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng.</p> <p>Kĩ năng</p>	<p>- Vùng đất (lãnh thổ) bao gồm đất liền và hải đảo. Vùng biển với các giới hạn quy định chủ quyền có diện tích khoảng 1 triệu km².</p> <p>- Khí hậu nhiệt đới ẩm, gió mùa ; tài nguyên thiên nhiên đa dạng, phong phú ; lắm thiên tai.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>2. Lịch sử hình thành và phát triển lãnh thổ</p>	<p>MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết vẽ lược đồ Việt Nam. - Điền được một số địa danh quan trọng trên lược đồ. <p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm ba giai đoạn phát triển của tự nhiên Việt Nam : tiền Cambri - hình thành nền móng lãnh thổ ; Cổ kiến tạo - vận động chính tạo địa hình cơ bản và Tân kiến tạo - một số tác động chính đã định hình lãnh thổ Việt Nam ngày nay. - Biết được mối quan hệ giữa lịch sử địa chất với các điều kiện địa lí của nước ta. <p>Kĩ năng</p> <p>Đọc lược đồ cấu trúc địa chất Việt Nam.</p>	<p>GHI CHÚ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình dạng lãnh thổ tương đối chính xác. - Một số thành phố lớn. <p>- Đặc điểm về thời gian, các vận động chính, về khí hậu và một số nét về thiên nhiên của từng giai đoạn.</p>
<p>3. Đặc điểm chung của tự nhiên</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích các thành phần tự nhiên để thấy được các đặc điểm cơ bản của tự nhiên Việt Nam. <p>- Phân tích và giải thích được đặc điểm của cảnh quan ba miền</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các thành phần tự nhiên : địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật. - Đặc điểm : đất nước nhiều đồi núi, chủ yếu là đồi núi thấp ; thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của Biển Đông ; thiên nhiên nhiệt đới gió mùa ẩm ; thiên nhiên phân hoá đa dạng.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>tự nhiên ở nước ta : miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ.</p> <p>- Biết được ảnh hưởng của đặc điểm tự nhiên đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.</p> <p>Kĩ năng</p> <p>- Sử dụng bản đồ Tự nhiên Việt Nam để trình bày các đặc điểm nổi bật về địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất đai, thực động vật và nhận xét mối quan hệ tác động qua lại giữa chúng.</p> <p>- Vẽ và phân tích biểu đồ khí hậu, thủy chế sông ngòi.</p> <p>- Sử dụng bản đồ và kiến thức đã học để trình bày các đặc điểm của ba miền tự nhiên.</p>	<p>- Điền và ghi đúng trên lược đồ : dãy Hoàng Liên Sơn, đỉnh Phan-xi-păng, Trường Sơn, Tây Nguyên ; các sông : Hồng, Thái Bình, Mã, Đồng Nai, Tiền, Hậu.</p> <p>- Về địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất, sinh vật.</p>

4. Vấn đề sử dụng và bảo vệ tự nhiên

Kiến thức

- Hiểu được yêu cầu phải sử dụng hợp lí và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- Trình bày được một số tác động tiêu cực do thiên nhiên gây ra đã phá hoại sản xuất, gây thiệt hại về người và của.
- Biết được sự suy thoái tài nguyên rừng, đa dạng sinh học, đất ; một số nguyên nhân dẫn đến sự suy giảm, cạn kiệt tài nguyên và ô nhiễm môi trường.
- Biết được chiến lược, chính sách về tài nguyên và môi trường của Việt Nam.

Kĩ năng

- Bão, lũ, ngập úng, hạn hán, động đất.
- Con người khai thác quá mức và gia tăng chất thải vào môi trường.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích các bảng số liệu về sự biến động của tài nguyên rừng, sự đa dạng sinh học và đất ở nước ta. - Vận dụng được một số biện pháp bảo vệ tự nhiên và phòng chống thiên tai ở địa phương. 	
<p>II - ĐỊA LÍ DÂN CƯ</p> <p>1. Đặc điểm dân số và phân bố dân cư</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng minh và giải thích được đặc điểm dân số nước ta. Ảnh hưởng của những đặc điểm này đến sự phát triển kinh tế - xã hội. - Phân tích được một số đặc điểm phân bố dân cư ở nước ta. Giải thích được tại sao phải tiến hành phân bố lại dân cư và lao động giữa các vùng. - Phân tích được nguyên nhân và hậu quả của dân đông, gia tăng nhanh, sự phân bố dân cư chưa hợp lí. - Biết được một số chính sách dân số ở nước ta. <p>Kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích bảng số liệu thống kê, biểu đồ dân số Việt Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiều thành phần dân tộc, đông dân, tăng nhanh, cơ cấu dân số trẻ và đang già đi. - Phân bố dân cư chưa hợp lí và đang có sự thay đổi. - Nguyên nhân tự nhiên, kinh tế – xã hội và lịch sử. Hậu quả : ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế, tài nguyên môi trường, chất lượng cuộc sống. - Các chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình, phân bố lại dân cư và lao động trên phạm vi cả nước.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bản đồ dân cư, dân tộc và Atlas địa lí Việt Nam để nhận biết và trình bày đặc điểm dân số. 	
<p>2. Lao động và việc làm</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng minh được rằng nước ta có nguồn lao động dồi dào, chất lượng ngày càng được nâng lên, nhưng phân bố không đều giữa các vùng. - Trình bày được sự chuyển dịch cơ cấu lao động ở nước ta. - Hiểu được vì sao việc làm đang là vấn đề gay gắt ở nước ta và hướng giải quyết. <p>Kỹ năng</p> <p>Phân tích số liệu thống kê và vẽ các dạng biểu đồ thích hợp về nguồn lao động, sử dụng lao động và tình trạng việc làm.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan hệ dân số - lao động - việc làm. - Chính sách dân số, phân bố lại lao động, phát triển sản xuất.
<p>3. Đô thị hoá</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày và giải thích được một số đặc điểm đô thị hoá ở Việt Nam. - Phân tích được ảnh hưởng qua lại giữa đô thị hoá và sự phát triển kinh tế - xã hội. - Hiểu được sự phân bố mạng lưới đô thị ở nước ta. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đô thị hoá của nước ta hiện nay mang nặng các dấu ấn lịch sử và gắn liền với quá trình công nghiệp hoá.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bản đồ và Atlas để nhận xét mạng lưới các đô thị lớn. - Vẽ và phân tích biểu đồ, số liệu thống kê về các đô thị ở Việt Nam. 	
<p>4. Chất lượng cuộc sống</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết chỉ số phát triển con người (HDI) bao gồm tuổi thọ, bình quân thu nhập/ người, giáo dục và thứ bậc về chỉ số phát triển con người Việt Nam trên thế giới. - Hiểu được một số đặc điểm về chất lượng cuộc sống của người dân nước ta. - Phân tích được sự cần thiết phải nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân và phương hướng giải quyết. <p>Kĩ năng</p> <p>Vẽ và phân tích biểu đồ, số liệu thống kê về chất lượng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo dục : tỉ lệ người biết chữ, số năm đi học trung bình của người dân, tỉ lệ nhập học các cấp. - Sự phân hoá về thu nhập bình quân đầu người, những tiên bộ của Việt Nam về giáo dục, văn hoá, y tế và xoá đói giảm nghèo. - Tác động của việc nâng cao chất lượng cuộc sống tới phát triển kinh tế - xã hội và dân cư nước ta : giảm gia tăng dân số ; xoá đói giảm nghèo ; tạo việc làm. - Kế hoạch hoá gia đình.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	cuộc sống.	
<p>III - ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ</p> <p>1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế : theo ngành, theo thành phần kinh tế và theo lãnh thổ ở nước ta. - Hiểu và trình bày được đặc điểm tăng trưởng kinh tế của nước ta ; mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. <p>Kĩ năng</p> <p>Vẽ và phân tích biểu đồ, phân tích số liệu thống kê liên quan đến tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế Việt Nam.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Những thay đổi cơ cấu kinh tế trong thập niên qua nguyên nhân.
<p>2. Một số vấn đề phát triển và phân bố nông nghiệp</p> <p>2.1. Vốn đất và sử dụng vốn đất</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày và giải thích được đặc điểm sử dụng đất đai theo các vùng ở nước ta. Ý nghĩa của việc sử dụng hợp lý đất đai. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện trạng sử dụng đất chịu ảnh hưởng của các điều kiện tự

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>- Nắm vững được việc sử dụng đất nông nghiệp ở các vùng đồng bằng và trung du miền núi, phương hướng sử dụng hợp lí đất nông nghiệp ở các vùng này.</p> <p>Kĩ năng</p> <p>- Vẽ và phân tích bản đồ, biểu đồ cơ cấu sử dụng đất theo các vùng.</p> <p>- Vẽ biểu đồ và phân tích bảng số liệu liên quan đến sử dụng đất.</p>	<p>nhiên và sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta và từng vùng.</p>
<p>2.2. Phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới</p>	<p>Kiến thức</p> <p>- Hiểu và trình bày được đặc điểm của nền nông nghiệp nước ta.</p> <p>- Trình bày được sự khác nhau giữa nông nghiệp cổ truyền và nông nghiệp hàng hoá ở nước ta, ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp hàng hoá.</p> <p>Kĩ năng</p>	<p>- Những thế mạnh và hạn chế của nông nghiệp nhiệt đới.</p> <p>- Nông nghiệp hàng hoá làm cho cơ cấu nông nghiệp trở nên năng động hơn, thích ứng tốt hơn với điều kiện thị trường và sử dụng hợp lí hơn các nguồn lực.</p> <p>- Nền nông nghiệp nhiệt đới, sản xuất ngày càng hiệu quả, phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bản đồ, Atlas để nhận xét về sự phân bố nông nghiệp. - Vẽ và phân tích biểu đồ, số liệu thống kê về sự thay đổi trong sản xuất nông nghiệp. 	
<p>2.3. Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và trình bày được cơ cấu của ngành nông nghiệp : trồng trọt, chăn nuôi ; tình hình phát triển và phân bố một số cây trồng, vật nuôi chính của nước ta. - Chứng minh được xu hướng chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng Atlas địa lí Việt Nam để trình bày được cơ cấu nông nghiệp và sự phân bố các cây trồng, vật nuôi chủ yếu. - Viết báo cáo ngắn về chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp dựa trên các bảng số liệu và biểu đồ cho trước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cây trồng : cây lương thực (lúa), một số loại cây thực phẩm, cây công nghiệp. - Vật nuôi : lợn, gia cầm và trâu, bò.
<p>2.4. Vấn đề phát triển thủy sản và lâm nghiệp</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và trình bày được điều kiện, tình hình phát triển, phân bố ngành thủy sản và một số phương hướng phát triển ngành thủy sản của nước ta. - Hiểu và trình bày được vai trò, tình hình phát triển và phân bố ngành lâm nghiệp, một số vấn đề lớn trong phát triển lâm nghiệp. <p>Kĩ năng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuận lợi và khó khăn trong khai thác và nuôi trồng thủy sản. - Chú ý vấn đề suy thoái rừng và bảo vệ tài nguyên rừng.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích bản đồ lâm, ngư nghiệp ; Atlas để xác định các khu vực sản xuất, khai thác lớn. - Vẽ và phân tích biểu đồ, số liệu thống kê về lâm, ngư nghiệp. 	
<p>2.5. Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được sự phân hoá lãnh thổ nông nghiệp là cơ sở để tổ chức lãnh thổ nông nghiệp. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới tổ chức lãnh thổ nông nghiệp nước ta : tự nhiên, kinh tế - xã hội, kĩ thuật, lịch sử. - Hiểu và trình bày được đặc điểm của 7 vùng nông nghiệp : Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long. - Trình bày được đặc điểm của một vùng nông nghiệp nhất định. - Trình bày được xu hướng thay đổi trong tổ chức lãnh thổ nông nghiệp : phát triển kinh tế trang trại và vùng chuyên canh để sản xuất hàng hoá. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bản đồ Việt Nam để trình bày sự phân bố một số ngành sản xuất nông nghiệp, vùng chuyên canh lớn. - Phân tích bảng thống kê và biểu đồ để thấy rõ xu hướng thay 	<ul style="list-style-type: none"> - Các chính sách tác động đến sự phát triển nông nghiệp. - Đặc điểm về điều kiện tự nhiên, dân cư, cơ sở hạ tầng, trình độ thâm canh, chuyên môn hoá sản xuất. - Các điều kiện ảnh hưởng đến tổ chức lãnh thổ nông nghiệp, trình độ thâm canh và chuyên môn hoá sản xuất. - Thay đổi cơ cấu sản phẩm nông nghiệp, tạo vùng chuyên canh. - Chuyên canh lúa, cà phê, cao su.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	đôi trong tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.	
<p>3. Một số vấn đề phát triển và phân bố công nghiệp</p> <p>3.1. Cơ cấu ngành công nghiệp</p>	<p>Kiến thức</p> <p>- Trình bày được cơ cấu công nghiệp và sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp.</p> <p>Kĩ năng</p> <p>Vẽ và nhận xét biểu đồ cơ cấu và sự chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp.</p>	<p>- Cơ cấu ngành, cơ cấu thành phần kinh tế và cơ cấu lãnh thổ.</p>
<p>3.2. Vấn đề phát triển một số ngành công nghiệp</p> <p>a) Vấn đề phát triển công nghiệp năng lượng</p> <p>b) Vấn đề phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản</p>	<p>Kiến thức</p> <p>- Trình bày được cơ sở tài nguyên năng lượng ở nước ta.</p> <p>- Phân tích được đặc điểm phân bố công nghiệp khai thác nhiên liệu và công nghiệp điện ở nước ta.</p> <p>Kĩ năng</p> <p>Sử dụng Atlas địa lí Việt Nam (hoặc bản đồ Việt Nam) để trình bày về sự phân bố công nghiệp năng lượng.</p> <p>Kiến thức</p> <p>- Trình bày và giải thích được công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản là một ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta.</p> <p>- Trình bày được đặc điểm phát triển và phân bố các ngành chủ</p>	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	yếu trong công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản.	
c) Vấn đề phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng	<p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng Atlas địa lí Việt Nam để trình bày về công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản. - Sử dụng kết hợp bản đồ, biểu đồ, số liệu thống kê để phân tích mối quan hệ giữa vùng nguyên liệu với các cơ sở công nghiệp chế biến. <p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm của công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, giải thích được tại sao đây là ngành công nghiệp trọng điểm. - Trình bày được đặc điểm phát triển và phân bố các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng chủ yếu. 	- Công nghiệp dệt - may, da - giày, giấy in, văn phòng phẩm.
3.3. Vấn đề tổ chức lãnh thổ công nghiệp	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm tổ chức lãnh thổ công nghiệp, phân tích ảnh hưởng của các nhân tố tới tổ chức lãnh thổ công nghiệp nước ta. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích theo các nhóm nhân tố bên trong, bên ngoài. - Điểm công nghiệp, khu công

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>- Phân biệt được một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở nước ta.</p> <p>Kĩ năng</p> <p>- Sử dụng bản đồ, Atlas để nhận xét về tổ chức lãnh thổ công nghiệp của Việt Nam.</p> <p>- Phân tích sơ đồ các nhân tố ảnh hưởng tới tổ chức lãnh thổ công nghiệp.</p>	<p>ngiệp tập trung, trung tâm công nghiệp, vùng công nghiệp.</p>
<p>4. Một số vấn đề phát triển và phân bố các ngành dịch vụ</p> <p>4.1. Vấn đề phát triển và phân bố giao thông vận tải, thông tin liên lạc</p>	<p>Kiến thức</p> <p>- Trình bày được đặc điểm giao thông vận tải, thông tin liên lạc của nước ta : phát triển khá toàn diện và tốc độ phát triển nhanh.</p> <p>Kĩ năng</p> <p>- Vẽ và phân tích biểu đồ, bảng số liệu về tình hình phát triển giao thông vận tải.</p> <p>- Sử dụng bản đồ để trình bày sự phân bố của một số tuyến giao</p>	<p>- Vai trò quan trọng và một số số liệu minh chứng.</p> <p>- Phát triển cả về lượng và chất với nhiều loại hình : đường ô tô, đường sắt, đường thủy, đường hàng không ; mạng điện thoại, mạng phi thoại, truyền dẫn (mạng truyền dẫn viba và cáp quang).</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	thông vận tải, đầu mối giao thông và trung tâm thông tin liên lạc quan trọng.	
<p>4.2. Vấn đề phát triển và phân bố thương mại, du lịch</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được vai trò, tình hình phát triển và sự thay đổi trong cơ cấu của nội thương, ngoại thương. - Phân tích được tài nguyên du lịch ở nước ta : tài nguyên tự nhiên, tài nguyên nhân văn. - Hiểu và trình bày được tình hình phát triển ngành du lịch, sự phân bố của các trung tâm du lịch chính ; mối quan hệ giữa phát triển du lịch và bảo vệ môi trường. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ và phân tích biểu đồ, số liệu thống kê về các ngành nội thương, ngoại thương, du lịch. - Sử dụng bản đồ, Atlas để nhận biết và phân tích sự phân bố của các trung tâm thương mại và du lịch. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích cơ cấu xuất nhập khẩu. - Trung tâm du lịch : Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Huế, Đà Nẵng. - TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Huế,...
<p>IV - ĐỊA LÍ CÁC VÙNG</p> <p>1. Vấn đề khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng. - Hiểu và trình bày được các thế mạnh, hạn chế của điều kiện tự nhiên, dân cư, cơ sở vật chất - kĩ thuật của vùng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giáp Trung Quốc, có vùng biển Đông Bắc. - Nơi sinh sống của nhiều dân tộc ít người ; trình độ lao động

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>- Phân tích việc sử dụng các thế mạnh để phát triển các ngành kinh tế của vùng ; một số vấn đề đặt ra và biện pháp khắc phục.</p> <p>Kĩ năng</p> <p>- Sử dụng bản đồ để xác định vị trí của vùng, nhận xét và giải thích sự phân bố một số ngành sản xuất nổi bật.</p> <p>- Vẽ và phân tích biểu đồ, số liệu thống kê liên quan đến kinh tế của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.</p>	<p>còn hạn chế.</p> <p>- Công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản, thủy điện ; trồng cây công nghiệp, dược liệu, rau quả có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới ; chăn nuôi gia súc lớn ; nuôi trồng, chế biến thủy sản ; du lịch.</p> <p>- Điền và ghi đúng trên lược đồ Việt Nam : Hoà Bình, Thái Nguyên, Điện Biên.</p>
<p>2. Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng</p>	<p>Kiến thức</p> <p>- Phân tích được tác động của các thế mạnh và hạn chế của vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, cơ sở vật chất - kĩ thuật tới sự phát triển kinh tế ; những vấn đề cần giải quyết trong phát triển kinh tế - xã hội.</p> <p>- Hiểu và trình bày được tình hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và các định hướng chính.</p> <p>Kĩ năng</p> <p>- Sử dụng bản đồ để xác định vị trí, nhận xét và giải thích sự</p>	<p>- Mật độ dân số cao nhất cả nước, nguồn lao động dồi dào và thị trường tiêu thụ lớn.</p> <p>- Quỹ đất nông nghiệp đang bị thu hẹp, sức ép về việc làm.</p> <p>- Điền và ghi đúng trên lược đồ</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>phân bố của một số ngành sản xuất đặc trưng của vùng Đồng bằng sông Hồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích số liệu thống kê, biểu đồ để nhận biết sự thay đổi trong dân số, cơ cấu kinh tế ở Đồng bằng sông Hồng. - Phân tích số liệu thống kê để làm sáng tỏ mối quan hệ giữa dân số và vấn đề sản xuất lương thực ở Đồng bằng sông Hồng. 	<p>Việt Nam : Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Nam Định, Thái Bình.</p>
<p>3. Vấn đề phát triển kinh tế – xã hội ở Bắc Trung Bộ</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và trình bày được những thuận lợi và khó khăn của tự nhiên đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của vùng. - Trình bày được vấn đề hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp, cơ cấu công nghiệp, phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng Atlas địa lí Việt Nam để trình bày về hiện trạng phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh thổ kéo dài, vùng biển mở rộng ; điều kiện tự nhiên khá đa dạng ; nhiều thiên tai : bão, lũ, khô hạn. - Điền và ghi đúng trên lược đồ Việt Nam : Thanh Hoá, Vinh, Huế.
<p>4. Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở Duyên hải Nam Trung Bộ</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và trình bày được những thuận lợi và khó khăn của tự nhiên đối với việc phát triển kinh tế - xã hội ở Duyên hải Nam Trung Bộ. - Trình bày được vấn đề phát triển tổng hợp kinh tế biển và tầm quan trọng của vấn đề phát triển công nghiệp, cơ sở hạ tầng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng Atlas địa lí Việt Nam để trình bày về hiện trạng và sự 	<ul style="list-style-type: none"> - Điền và ghi đúng trên lược đồ

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>phân bố các ngành kinh tế ở Duyên hải Nam Trung Bộ.</p> <p>- Sử dụng tổng hợp các nguồn tài liệu : bản đồ, số liệu thống kê để so sánh sự phát triển ngành thuỷ sản ở Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.</p>	<p>Việt Nam : Đà Nẵng, Nha Trang, Quy Nhơn.</p>
<p>5. Vấn đề khai thác thế mạnh ở Tây Nguyên</p>	<p>Kiến thức</p> <p>- Biết được ý nghĩa của việc phát triển kinh tế ở Tây Nguyên.</p> <p>- Trình bày được những thuận lợi và khó khăn của tự nhiên, dân cư, cơ sở vật chất - kĩ thuật đối với phát triển kinh tế.</p> <p>- Hiểu được thực trạng phát triển cây công nghiệp ; khai thác và chế biến lâm sản, bảo vệ rừng ; phát triển chăn nuôi gia súc lớn ; phát triển thuỷ điện, thuỷ lợi và những vấn đề của vùng, biện pháp giải quyết những vấn đề đó.</p> <p>- So sánh được sự khác nhau về trồng cây công nghiệp lâu năm và chăn nuôi gia súc lớn giữa Trung du và miền núi Bắc Bộ với Tây Nguyên.</p> <p>Kĩ năng</p> <p>- Sử dụng bản đồ để xác định vị trí, giới hạn của Tây Nguyên ; nhận xét và giải thích sự phân bố một số ngành sản xuất nổi bật.</p>	<p>- Tài nguyên đất, rừng ; mùa khô kéo dài. Nơi cư trú của nhiều dân tộc ít người với trình độ lao động chưa cao, thiếu cơ sở hạ tầng.</p> <p>- Vấn đề khai thác có hiệu quả thế mạnh của vùng : trồng cà phê, cao su ; phát triển thuỷ điện kết hợp thuỷ lợi.</p> <p>- Điền và ghi đúng trên lược đồ Việt Nam : Plây Ku, Buôn Ma</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	- Phân tích số liệu thống kê, biểu đồ kinh tế của Tây Nguyên.	Thuật, Đà Lạt.
<p>6. Vấn đề khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được các thế mạnh nổi bật và những hạn chế đối với việc phát triển kinh tế ở Đông Nam Bộ. - Chứng minh và giải thích được sự phát triển theo chiều sâu trong công nghiệp, nông nghiệp ở Đông Nam Bộ. - Giải thích được sự cần thiết phải khai thác tổng hợp kinh tế biển và bảo vệ môi trường. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bản đồ để xác định vị trí, giới hạn và nhận xét, giải thích sự phân bố một số ngành kinh tế tiêu biểu của Đông Nam Bộ. - Phân tích biểu đồ, số liệu thống kê về vùng Đông Nam Bộ để nhận biết vấn đề kinh tế của vùng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí địa lí, tài nguyên đất, nước ; cơ sở hạ tầng và lao động có trình độ. Hạn hán vào mùa khô. - Có trình độ phát triển cao nhất so với các vùng khác trong cả nước. - Phát triển kinh tế theo chiều sâu cần lực lượng lao động có trình độ cao ; phát triển các ngành có kĩ thuật tiên tiến. - Điền và ghi đúng trên lược đồ Việt Nam : Biên Hoà, TP. Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Thủ Dầu Một.
<p>7. Vấn đề sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được thuận lợi, khó khăn về thiên nhiên, con người, cơ sở vật chất - kĩ thuật đối với việc phát triển kinh tế của vùng. - Hiểu và trình bày được một số biện pháp cải tạo, sử dụng tự nhiên, tình hình và các biện pháp để tăng cường sản xuất lương 	<ul style="list-style-type: none"> - Mùa lũ, mùa khô hạn ; đất nhiễm mặn, phèn hoá. - Khai thác hợp lí và bảo vệ

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>thực, thực phẩm ở Đồng bằng sông Cửu Long.</p> <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bản đồ để xác định vị trí của Đồng bằng sông Cửu Long ; nhận xét và giải thích sự phân bố của sản xuất lương thực, thực phẩm trong vùng. - Phân tích biểu đồ, số liệu thống kê để hiểu sự phát triển kinh tế của Đồng bằng sông Cửu Long. 	<p>môi trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điền và ghi đúng trên lược đồ Việt Nam : Cần Thơ, Cà Mau, Long Xuyên, Vĩnh Long.
<p>8. Vấn đề phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được vùng biển Việt Nam, các đảo và quần đảo là một bộ phận quan trọng ở nước ta. Đây là nơi có nhiều tài nguyên, có vị trí quan trọng trong an ninh quốc phòng, cần phải bảo vệ. - Trình bày được tình hình và biện pháp phát triển kinh tế của vùng biển Việt Nam, các đảo và quần đảo. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bản đồ để xác định vị trí, phạm vi lãnh hải của vùng biển Việt Nam, các đảo và quần đảo chính của nước ta. - Điền trên bản đồ khung các đảo lớn và quần đảo của Việt Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khai thác phải đi đôi với bảo vệ tài nguyên, môi trường. - Điền và ghi đúng trên lược đồ Việt Nam, các đảo : Phú Quốc, Côn Đảo, Cát Bà, Bạch Long Vĩ, Cái Bầu, Phú Quý, Lí Sơn ; các quần đảo : Hoàng Sa, Trường Sa.
<p>9. Các vùng kinh tế trọng điểm</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết phạm vi lãnh thổ, vai trò, đặc điểm chính, thực trạng phát triển của các vùng kinh tế trọng điểm : Bắc Bộ, Trung Bộ, 	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>Nam Bộ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các thế mạnh của từng vùng kinh tế trọng điểm đối với việc phát triển kinh tế – xã hội. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bản đồ để xác định vị trí, giới hạn của các vùng kinh tế trọng điểm ở Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ ; nhận biết và giải thích được sự phát triển của các vùng kinh tế trọng điểm. - Vẽ và phân tích biểu đồ, số liệu thống kê về các vùng kinh tế trọng điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh 3 vùng kinh tế trọng điểm.
<p>V - ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG (tỉnh / thành phố)</p>	<p>Kiến thức</p> <p>Tìm hiểu địa lí địa phương theo chủ đề :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ đề 1 : Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và sự phân chia hành chính. - Chủ đề 2 : Đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên. - Chủ đề 3 : Đặc điểm dân cư và lao động. - Chủ đề 4 : Đặc điểm kinh tế - xã hội. - Chủ đề 5 : Địa lí một số ngành kinh tế chính. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định trên bản đồ vị trí, giới hạn các đơn vị hành chính của tỉnh / thành phố. - Sưu tầm tư liệu, xử lí thông tin. - Phân tích bản đồ, biểu đồ, bảng số liệu của tỉnh/ thành phố. 	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	- Viết và trình bày báo cáo theo chủ đề.	

IV - GIẢI THÍCH - HƯỚNG DẪN

1. Quan điểm xây dựng và phát triển chương trình

Nhằm đạt được mục tiêu nêu trên, thì ngoài các quan điểm cơ bản đã nêu trong Chương trình chuẩn, Chương trình nâng cao còn thêm các quan điểm sau :

a) Thống nhất với Chương trình chuẩn

- Nội dung dạy học bao gồm ba mạch nội dung lớn : Địa lí đại cương, Địa lí thế giới và Địa lí Việt Nam ;
- Sắp xếp nội dung dạy học ở từng lớp của cấp Trung học phổ thông.
- Định hướng đổi mới phương pháp dạy học, sử dụng thiết bị dạy học và đổi mới đánh giá.
- Hướng dẫn vận dụng chương trình và chuẩn kiến thức - kĩ năng.

b) Phân hoá, nâng cao hơn so với Chương trình chuẩn

Do số tiết dành cho các lớp trong Chương trình nâng cao nhiều hơn so với Chương trình chuẩn, nên trong mỗi chủ đề của từng mạch nội dung trong Chương trình nâng cao cần đưa thêm một số nội dung, nhằm giúp học sinh có kiến thức hệ thống và sâu hơn. Đồng thời, yêu cầu về mức độ kiến thức - kĩ năng trong Chương trình nâng cao cũng phải có phần nâng cao hơn so với Chương trình chuẩn.

2. Về nội dung

Trong mỗi chủ đề của từng mạch nội dung của chương trình nâng cao có đưa thêm một số nội dung, nhằm giúp học sinh có kiến thức địa lí hệ thống và sâu hơn, tạo điều kiện để các em tiếp tục học lên bậc học cao hơn trong lĩnh vực khoa học xã hội - nhân văn.

Mặt khác, yêu cầu về mức độ kiến thức, kỹ năng trong Chương trình nâng cao cũng có phần cao hơn so với Chương trình chuẩn. Về kiến thức, Chương trình nâng cao yêu cầu học sinh phải phân tích, giải thích và chứng minh nhiều hơn là trình bày kiến thức. Về kỹ năng, tăng cường kỹ năng vẽ và phân tích các loại biểu đồ, kỹ năng vận dụng kiến thức.

3. Về phương pháp dạy học

Thông nhất với định hướng về phương pháp dạy học đã nêu trong Chương trình môn học và Chương trình chuẩn, song do mục tiêu và nội dung dạy học của Chương trình Địa lí nâng cao có những điểm khác so với Chương trình chuẩn, nên trong quá trình dạy học giáo viên cần tăng cường hướng dẫn học sinh làm việc độc lập để khai thác và chiếm lĩnh kiến thức từ các phương tiện dạy học địa lí, từ thông tin trên mạng Internet...

4. Về đánh giá kết quả học tập của học sinh

Như đã nêu ở trên, mục tiêu của Chương trình nâng cao có những điểm khác so với Chương trình chuẩn ; nội dung Chương trình nâng cao có phần rộng, sâu và mức độ yêu cầu cao hơn Chương trình chuẩn, điều này cần được lưu ý trong quá trình đánh giá kết quả học tập của học sinh.

5. Về việc vận dụng chương trình theo vùng miền và các đối tượng học sinh

- Việc dạy và học địa lí ở các vùng miền được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Cần đảm bảo để mọi học sinh đều đạt được chuẩn kiến thức và kỹ năng bộ môn. Những học sinh có khả năng hoặc có nhu cầu học địa lí sâu hơn cần khuyến khích và tạo điều kiện để các em đạt kết quả học tập tốt.